

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 09/2004/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2004

THÔNG TƯ

Số 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/ 2004 hướng dẫn việc vay và trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp

Căn cứ Điều 22 và Điều 24 Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là "Ngân hàng Nhà nước") hướng dẫn việc vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1

GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ

Trong Thông tư này, các cụm từ sau đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp vay nước ngoài (sau đây gọi là "Doanh nghiệp") bao gồm:

a) Doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng, hoạt động tại Việt Nam:

- Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã, công ty hợp danh;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm Doanh nghiệp liên doanh, Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.
- Doanh nghiệp khác ngoài các đối tượng nói trên thành lập và hoạt động theo qui định của pháp luật.

b) Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam:

- Tổ chức tín dụng Việt Nam: Tổ chức tín dụng nhà nước, tổ chức tín dụng cổ phần, tổ chức tín dụng hợp tác;
- Tổ chức tín dụng liên doanh;
- Tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài.

2. Người không cư trú được hiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối.

3. Hợp đồng vay nước ngoài là các thoả thuận vay nước ngoài có hiệu lực rút vốn, trong đó quy định các điều khoản và điều kiện của khoản vay nước ngoài, như: Hợp đồng mua hàng trả chậm, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thuê tài chính và các thoả thuận vay nước ngoài khác.

4. Đăng ký vay, trả nợ nước ngoài là việc Doanh nghiệp, sau khi ký Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn (hoặc sau khi hoàn thành các thủ tục phát hành trái phiếu ra nước ngoài), phải làm thủ tục đăng ký với Ngân hàng Nhà nước theo các quy định của Thông tư này.

5. Xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài là việc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận Doanh nghiệp đã thực hiện Đăng ký vay, trả nợ nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước.

6. Đăng ký thay đổi là việc Doanh nghiệp, sau khi đã đăng ký vay, trả nợ nước ngoài có phát sinh thay đổi so với nội dung tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài, phải làm thủ tục đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước theo qui định của Thông tư này.

7. Xác nhận đăng ký thay đổi là việc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận Doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký thay đổi một số nội dung Hợp đồng vay nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký.

8. Ngân hàng được phép là ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam được phép hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật Việt Nam.

MỤC 2

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

9. Khoản vay nước ngoài của Doanh nghiệp bao gồm việc vay dưới các hình thức sau đây:

- a) Vay tài chính (bằng tiền);
- b) Nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ trả chậm theo phương thức mở thư tín dụng, nhờ thu qua Ngân hàng được phép hoặc theo phương thức trả chậm khác;
- c) Thuê tài chính nước ngoài;
- d) Phát hành trái phiếu ra nước ngoài;
- đ) Các loại hình vay nước ngoài khác.

10. Doanh nghiệp ký Hợp đồng vay nước ngoài tự chịu trách nhiệm về năng lực pháp lý, năng lực tài chính, khả năng thực hiện Hợp đồng vay nước ngoài của Bên cho vay nước ngoài. Doanh nghiệp có nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích và phù hợp với qui định của pháp luật Việt Nam. Doanh nghiệp tự chịu mọi rủi ro và trách nhiệm trước pháp luật của nhà nước trong việc ký và thực hiện Hợp đồng vay nước ngoài

11. Doanh nghiệp không phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước khi ký các thoả thuận vay nước ngoài không có hiệu lực rút vốn như: Hiệp định tín dụng khung, biên bản ghi nhớ và các thoả thuận tương tự khác, nhưng nội dung các thoả thuận vay nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Đối với các khoản vay hợp vốn của Doanh nghiệp từ các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam và Bên cho vay nước ngoài, phần vay nước ngoài Doanh nghiệp phải thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

Chương II

ĐIỀU KIỆN VAY NƯỚC NGOÀI

MỤC 1

MỤC ĐÍCH VÀ ĐIỀU KIỆN VAY NGẮN HẠN

13. Mục đích vay ngắn hạn phù hợp với phạm vi hoạt động của Doanh nghiệp:

- a) Đối với Doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng: Khoản vay ngắn hạn dùng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh, theo đúng phạm vi hoạt động của Doanh nghiệp được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc Giấy phép đầu tư; hoặc Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- b) Đối với Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng: Khoản vay ngắn hạn dùng để bổ sung nguồn vốn tín dụng ngắn hạn.

14. Đáp ứng điều kiện vay do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định:

- a) Đối tượng các Doanh nghiệp được vay nước ngoài ngắn hạn;
- b) Thời hạn vay và chi phí khoản vay ngắn hạn (gồm lãi suất, phí và các chi phí khác);
- c) Ký quỹ đối với các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại hoạt động ở Việt nam.

Trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các điều kiện vay nêu tại điểm 14, Mục I, Chương II của Thông tư này.

15. Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài các điều kiện quy định tại điểm 13(a) và điểm 14, Mục I, Chương II của Thông tư này, chỉ được ký Hợp đồng vay ngắn hạn khi đáp ứng điều kiện sau:

- Trong thời gian xây dựng, số dư nợ ngắn, trung và dài hạn (gồm cả dư nợ vay trong nước) phải đảm bảo nằm trong giới hạn được vay và không làm vượt tổng vốn đầu tư theo Giấy phép đầu tư.
- Khi đã hoàn thành việc xây dựng và đưa dự án vào hoạt động: Doanh nghiệp có thể vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động mà không tính vào mức khống chế tối đa của tổng vốn đầu tư theo Giấy phép đầu tư.

16. Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, ngoài các điều kiện quy định tại điểm 13(b) và điểm 14, Mục I, Chương II của Thông tư này, phải thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về giới hạn vay, bảo lãnh vay nước ngoài ngắn hạn.

17. Ngoài các điều kiện quy định tại điểm 13, 14, 15, 16 Mục I, Chương II của Thông tư này, các nội dung khác của Hợp đồng vay nước ngoài ngắn hạn và các thoả thuận liên quan đến khoản vay nước ngoài ngắn hạn của Doanh nghiệp phải phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

MỤC 2

ĐIỀU KIỆN VAY NƯỚC NGOÀI TRUNG, DÀI HẠN

18. Doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng chỉ được ký Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn khi đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Doanh nghiệp có Dự án đầu tư hoặc Phương án sản xuất kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;
- b) Khoản vay nước ngoài dùng để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo đúng phạm vi hoạt động của Doanh nghiệp được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc Giấy phép đầu tư; hoặc Giấy phép hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- c) Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn của Doanh nghiệp phải phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

d) Các thoả thuận trong Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn của Doanh nghiệp phải phù hợp với quy định hiện hành có liên quan của pháp luật Việt Nam như việc mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ giao dịch của khoản vay, việc cầm cố, thế chấp tài sản của Doanh nghiệp, việc vay nước ngoài để góp vốn thành lập Doanh nghiệp, việc chuyển nợ thành cổ phần và các nội dung khác được pháp luật Việt Nam quy định;

đ) Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài các điều kiện quy định tại điểm 18(a); 18(b), 18(c) và 18(d) Mục II, Chương II của Thông tư này, số dư nợ trung, dài hạn (gồm cả dư nợ vay trong nước) của Doanh nghiệp phải nằm trong giới hạn vốn được vay và không vượt tổng vốn đầu tư theo Giấy phép đầu tư;

e) Đối với Doanh nghiệp nhà nước chỉ được ký Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư;
- Có văn bản tham gia ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt nam theo điểm 23, Mục I, Chương III của Thông tư này.
- Các điều kiện quy định tại điểm 18(a), 18(b), 18(c) và 18 (d), Mục II, Chương II của Thông tư này.

19. Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng chỉ được ký Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Khoản vay trung, dài hạn dùng để bổ sung nguồn vốn tín dụng;

b) Các điều kiện quy định tại điểm 18(c), 18(d) Mục II, Chương II của Thông tư này.

c) Riêng đối với tổ chức tín dụng nhà nước: ngoài các điều kiện qui định tại điểm 19(a), điểm 19(b), Mục II, Chương II, tổ chức tín dụng nhà nước chỉ được ký Hợp đồng vay nước ngoài trung, dài hạn khi đã có văn bản tham gia ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo điểm 23, Mục I, Chương III của Thông tư này.

Chương III

ĐĂNG KÝ VÀ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI

MỤC 1

YÊU CẦU, QUI TRÌNH, THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ VÀ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI

20. Yêu cầu và quy trình thực hiện việc đăng ký khoản vay nước ngoài:

a) Đối với khoản vay ngắn hạn, Doanh nghiệp không phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước nhưng Hợp đồng vay nước ngoài ngắn hạn phải đảm bảo phù hợp với các điều kiện nêu tại Mục I, Chương II của Thông tư này.

b) Đối với khoản vay trung, dài hạn: Căn cứ các điều kiện qui định tại Mục II Chương II của Thông tư này, Doanh nghiệp được ký Hợp đồng vay nước ngoài. Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng vay nước ngoài và trước khi rút vốn, Doanh nghiệp phải đăng ký vay, trả nợ nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước.

21. Trường hợp khoản vay ngắn hạn được gia hạn mà tổng thời gian gia hạn và thời gian đã vay ngắn hạn trên 1 năm, Doanh nghiệp phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng gia hạn và thực hiện các quy định về vay trung, dài hạn tại Thông tư này

22. Trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản vay của Doanh nghiệp được nêu tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký vay, trả nợ nước ngoài, Doanh nghiệp được ký thoả thuận thay đổi khi đảm bảo nội dung thay đổi phù hợp với qui định tại Mục II Chương II Thông tư này. Doanh nghiệp phải thực hiện việc đăng ký thay đổi với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký thoả thuận thay đổi và trước khi nội dung thay đổi có hiệu lực.

23. Doanh nghiệp nhà nước phải gửi dự thảo lần cuối (kèm bản dịch ra tiếng Việt Nam có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị) các văn bản sau đây để Ngân hàng Nhà nước tham gia ý kiến trước khi ký:

- Dự thảo Hợp đồng vay nước ngoài;

- Dự thảo Thư bảo lãnh, trường hợp được Người không cư trú bảo lãnh .

Ngân hàng Nhà nước có văn bản tham gia ý kiến đối với các dự thảo nói trên của Doanh nghiệp nhà nước trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

24. Thẩm quyền xác nhận đăng ký hoặc đăng ký thay đổi vay, trả nợ nước ngoài:

a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi đối với khoản vay trung dài hạn của Doanh nghiệp trên địa bàn không phải là Doanh nghiệp nhà nước có giá trị đến 10 triệu đô la Mỹ (hoặc ngoại tệ khác có giá trị tương đương tại thời điểm ký hợp đồng vay nước ngoài) và phù hợp với các qui định tại Thông tư này;

Đối với các trường hợp Doanh nghiệp vi phạm các qui định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định.

b) Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký và đăng ký thay đổi đối với các khoản vay trung, dài hạn của Doanh nghiệp ngoài các đối tượng nêu tại điểm 24(a), Mục I, Chương III của Thông tư này.

MỤC 2

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI

25. Hồ sơ Đăng ký vay, trả nợ nước ngoài đối với Doanh nghiệp không phải tổ chức tín dụng bao gồm:

a) Đơn đăng ký vay, trả nợ nước ngoài (theo Mẫu đơn số 1 kèm theo Thông tư này);

b) Bản sao có công chứng Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh; hoặc Giấy phép đầu tư; hoặc giấy phép hoạt động, văn bản liên quan khác do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Bản sao có công chứng văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư hoặc Phương án sản xuất kinh doanh (trừ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);

d) Bản sao có công chứng Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép Doanh nghiệp được phát hành trái phiếu ra nước ngoài (trong trường hợp Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra nước ngoài);

đ) Bản sao và bản dịch ra tiếng Việt Nam Hợp đồng vay nước ngoài đã ký (có xác nhận của Thủ trưởng Doanh nghiệp).

26. Hồ sơ Đăng ký vay, trả nợ nước ngoài đối với Doanh nghiệp là tổ chức tín dụng bao gồm: Các tài liệu quy định tại điểm 25(a), 25(d), 25(đ), Mục II, Chương III của Thông tư này.